

Bản án số: 26/2020/HS-PT.
Ngày: 24-02-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.
Ông Nguyễn Thành Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sáu-Kiểm sát viên.

Trong ngày 24-02-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 08/2020/TLPT-HS ngày 04-02-2020 đối với bị cáo N.V.V do có kháng cáo của bị cáo N.V.V đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: N.V.V; Sinh ngày 06-6-1984; Nơi sinh: Tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Phường MM, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ may; Trình độ học vấn 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H; có vợ là bà NLC1; Sinh năm 1992 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05-9-2019 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Khánh T-luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị hại Nguyễn Thạch X; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ; Người làm chứng NLC1, NLC2, NLC3, NLC4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 00 giờ ngày 29-7-2019, bị cáo N.V.V đến nhà ông NLC2 (là cha vợ của N.V.V) ở ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng để tìm vợ là bà NLC1. Lúc này, bị cáo N.V.V dùng tay đập nhiều cái vào cánh cửa nhà của NLC2, NLC2 không cho N.V.V vào nhà. N.V.V đi xung quanh nhà NLC2 thì phát hiện bà NLC1 đang ở trong nhà cùng với ông Nguyễn Thạch X nên giữa N.V.V và bà NLC1 xảy ra cự cãi do N.V.V nghi ngờ bà NLC1 và ông X có quan hệ tình cảm với nhau. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, bà NLC1 và ông X đi ra khỏi nhà NLC2. Lúc này, bị cáo N.V.V nhìn thấy xe ô tô biển kiểm soát 68A-xxx.xx do ông X thuê của ông NLQ (xe do bà Phạm Ngọc H là mẹ ruột ông NLQ đứng tên chủ sở hữu) đang đậu bên hông nhà của NLC2, thì N.V.V nhặt 01 cục đá và ném nhiều lần vào xe ô tô trên, hậu quả làm xe ô tô bị vỡ 04 kính chắn gió, mốp thụng bên ngoài cửa trước bên trái, vỡ cụm đèn tín hiệu bên trái, vỡ bộ phận màn hình, vỡ bộ điều chỉnh hệ thống điều hòa. Tiếp đó, N.V.V dùng tay bẻ gãy 02 gương chiếu hậu, 04 tay nắm cửa lên xuống của xe ô tô và N.V.V nhảy lên nắp ca pô xe ô tô làm mốp thụng. Sau khi sự việc xảy ra, N.V.V cầm cục đá dùng để đập xe ô tô đi đến Công an xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 17/2019/HĐĐG-TCKH ngày 22-8-2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự năm 2019 huyện C, tỉnh Sóc Trăng kết luận: Tổng giá trị các bộ phận thay thế mới của xe ô tô biển kiểm soát 68A-xxx.xx là 35.500.000 đồng; Giá trị thiệt hại các bộ phận bị hư hỏng là 32.553.500 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo N.V.V đã bồi thường cho ông NLQ chi phí sửa chữa xe ô tô biển kiểm soát 68A-xxx.xx và chi phí cho thuê xe với tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo N.V.V phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Xử phạt bị cáo N.V.V 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Đến ngày 05-12-2019, bị cáo N.V.V kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền, xin được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo N.V.V giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền, xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N.V.V, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo N.V.V được hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo N.V.V trình bày: Thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, áp dụng bổ sung cho bị cáo N.V.V tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân và bị cáo tự thú sau khi phạm tội theo quy định tại điểm e, điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.V.V, cho bị cáo N.V.V hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo N.V.V lập ngày 05-12-2019 và nộp cho Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 06-12-2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo N.V.V về việc xin giảm hình phạt, xin được phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền, xin được hưởng án treo

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo N.V.V như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo N.V.V khai nhận, vào lúc khoảng 03 giờ ngày 29-7-2019 tại khu vực nhà của ông NLC2 ở ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, do nghi ngờ vợ là bà NLC1 và ông Nguyễn Thạch X có quan hệ tình cảm với nhau, bị cáo N.V.V đã nhặt 01 cục đá và ném nhiều lần vào xe ô tô biển kiểm soát 68A-xxx.xx do ông X thuê của ông NLQ, hậu quả làm xe ô tô bị vỡ 04 kính chắn gió, móp thung bên ngoài cửa trước bên trái, vỡ cụm đèn tín hiệu bên trái, vỡ bộ phận màn hình, vỡ bộ điều chỉnh hệ thống điều hòa và N.V.V dùng tay bẻ gãy 02 gương chiếu hậu, 04 tay nắm cửa lên xuống của xe ô tô. Theo kết luận định giá trị thiệt hại các bộ phận bị hư hỏng của xe ô tô mang biển kiểm soát 68A-xxx.xx là 32.553.500 đồng. Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo N.V.V phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo N.V.V về việc xin giảm hình phạt, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền: Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo N.V.V không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N.V.V là bị cáo đã chủ động bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chủ sở hữu tài sản bị thiệt hại; sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b, điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật. Trong vụ án này, sau khi có hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác, bị cáo N.V.V đã đến Công an xã A để trình báo sự việc. Xét bị cáo N.V.V đi trình báo cơ quan Công an sau khi người nhà NLC2 đã phát hiện N.V.V thực hiện hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác là thuộc trường hợp đầu thú theo hướng dẫn tại điểm i khoản 1 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên việc người bào chữa cho bị cáo N.V.V xác định bị cáo N.V.V tự thú sau khi phạm tội là không có căn cứ. Bị cáo N.V.V đầu thú sau khi phạm tội và bị cáo N.V.V có nhân thân tốt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), mặc dù cấp sơ thẩm có áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo nhưng không nhận định rõ là thuộc trường hợp nào là thiếu sót nên cấp phúc thẩm bổ sung. Trong vụ án này, bị cáo N.V.V có sự nghi ngờ giữa ông X và vợ bị cáo là bà NLC1 có quan hệ tình cảm, đáng lẽ ra bị cáo phải tìm hiểu cặn kẽ sự việc có hay không và có cách xử lý phù hợp pháp luật nhưng bị cáo không làm điều đó mà bị cáo lại thực hiện hành vi làm hư hỏng xe ô tô do ông X thuê của người khác. Cho nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, về việc áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội trong trường hợp tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của nạn nhân theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét mức án 06 tháng tù mà Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo N.V.V là phù hợp với mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đặc điểm nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ được áp dụng đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo N.V.V.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo N.V.V, về việc xin được hưởng án treo: Xét bị cáo N.V.V bị xử phạt tù không quá 03 năm, có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây ảnh hưởng nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến A, trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, bị cáo N.V.V đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp

nhận một phần kháng cáo của bị cáo N.V.V, xử phạt bị cáo N.V.V 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và thời gian thử thách là 01 năm, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (24-02-2020). Giao bị cáo N.V.V cho Ủy ban nhân dân Phường MM, quận T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo N.V.V cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo N.V.V, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo N.V.V hưởng án treo.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo N.V.V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận phần kháng cáo bị cáo N.V.V, về việc giảm hình phạt, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền. Chấp nhận phần kháng cáo của bị cáo N.V.V, về việc xin hưởng án treo.

Sửa phần quyết định hình phạt đối với bị cáo N.V.V của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo N.V.V 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo và 01 (Một) năm thử thách về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, thời gian thử thách tính từ ngày 24-02-2020. Giao bị cáo N.V.V cho Ủy ban nhân dân Phường MM, quận T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, bị cáo N.V.V cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo N.V.V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện C (02);
- VKSND huyện C (01);
- CQĐT - Công an huyện C (01);
- CQTHAHS-Công an huyện C (02)
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Bị cáo, bị hại(02).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV-Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- UBND Phường MM, Q T, TPHCM (01)
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thanh Vũ